TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28/02/2018
V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Thúy Hằng
- *Các Hội thẩm nhân dân*:
  1. Ông: Trần Văn Phước
  2. Bà: Phan Thị Thu Thảo
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Thuý – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Ngọc Phấn– Kiểm sát viên.

Ngày 28/02/2018 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 409/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017, về việc: "***Xin ly hôn***" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/01/2018 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Cẩm T**, *sinh năm 1991*.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Bị đơn: **Trần Minh Q**, *sinh năm 1984*.

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, chị T có mặt, anh Q vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 20/7/2017, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:

Chị và anh Trần Minh Q tự nguyện kết hôn vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. Sau cưới chị và anh Q sống chung với gia đình anh Q. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do anh Q thường nhậu say về hành hạ chưởi bới và đuổi chị ra khỏi nhà nhiều lần. Chị nhiều lần động viên khuyên giải và tạo điều kiện cho anh Q sửa đổi để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết qủa. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt hơn nên chị về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân từ tháng 4/2017 đến nay. Nay, chị nhận thấy tình cảm giữa chị và anh Q không thể hàn gắn lại được nên xin ly hôn.

Trong thời gian chung sống chị và anh Q không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn anh Trần Minh Q vắng mặt tại tòa nhưng có lời trình bày tại biên bản làm việc ngày 21/11/2017 như sau:

Anh và chị T kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. Sau cưới vợ chồng anh sống chung với cha mẹ anh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc thỉnh thoảng có cự cải qua lại nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Hàng ngày, anh đi làm về giao tiền cho chị giữ nhưng chị T lấy tiền đưa cho người chị. Anh không đồng ý nên vợ chồng xảy ra cự cải, chị T bỏ về nhà cha mẹ sống và vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2017 đến nay. Nay, chị T xin ly hôn anh không đồng ý vì vẫn còn thương vợ.

Thời gian chung sống anh và chị T không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Cẩm T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự phát biểu tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành việc cấp tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai cho bị đơn là anh Trần Minh Q để đưa vụ kiện ra xét xử nhưng anh Q vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ kiện: Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Trần Minh Q tự nguyện kết hôn vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. Trong thời gian chung sống do không cùng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn không hàn gắn được và anh chị đã ly thân từ tháng 4/2017 đến nay. Nay, chị T khẳng định tình cảm vợ chồng không thể hòa hợp được nên xin ly hôn, anh Q không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, hôn nhân và gia đình xuất phát từ tình yêu thương và sự tự nguyện giữa các bên không ai có quyền ngăn cản hay ép buộc. Trong thời gian sống chung do anh Q, chị T không cùng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn. Khi xảy ra mâu thuẫn, anh chị cũng có thời gian sống ly thân để tạo cơ hội hàn gắn nhưng không có kết quả. Anh Q cũng thừa nhận anh và chị T có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đáng kể và anh vẫn còn thương vợ muốn đoàn tụ với chị T. Nhưng anh Q không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình và tại tòa anh Q cố tình vắng mặt coi như đã tự bỏ nguyện vọng xin đoàn tụ với chị T.

Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của chị T và anh Q đã đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T và anh Q được ly hôn.

[3] Trong thời gian chung sống anh Q, chị T khai không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên ghi nhận.

[4] Về án phí: Chị T phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Cẩm T đối với anh Trần Minh Q.

+ Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Trần Minh Q được ly hôn.

+ Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh Q khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

+ Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0012580 ngày 02/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CC, tỉnh Bến Tre. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt tại tòa có quyền làm đơn kháng cáo, bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND nơi cư trú của bị đơn để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND T. Bến Tre;*
- *VKS H. Châu Thành;*
- *THADS huyện C;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã H;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Thúy Hằng